

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

**QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD**

Số/No.: 206 /2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2020  
Hanoi, 06 April 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH**  
**HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT**  
**AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **03/04/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100.000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Componet Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	810	3.6%
2	BVH	110	0.6%
3	CTG	3,210	8.1%
4	EIB	2,840	6.0%
5	HCM	270	0.5%
6	HDB	3,680	9.7%
7	MBB	7,010	13.8%
8	SSI	1,420	2.4%
9	STB	8,650	9.4%
10	TCB	6,590	14.2%
11	VCB	1,630	14.7%
12	VPB	7,040	16.8%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>794,581</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	719,803,500 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit	720,598,081 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	794,581 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

th

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	12,400	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	32,100	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	EIB	15,200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	14,250	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	TCB	15,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	VPB	17,250	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 03/04/2020	Kỳ trước/Last Period 01/04/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	26,700,000	26,700,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	7,780	8,360	-580
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	192,399,687,637	183,983,094,205	8,416,593,432
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	720,598,081	689,075,259	31,522,822
của 1 CCQ/ per Share	7,205.98	6,890.75	315.23
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	728.56	708.13	20.43



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Lê Hằng